

VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

QUAN HOÀNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHÁT-HOC



thứ 9 - Số 96, Ngày 19-9-50 (8-8 Canh-Dần), Phật lịch 2513

Hội Đồng Kiểm-Duyệt Giáo-Lý Phật-Giáo Trung-Việt
và Tổng Trì Sư Hội Việt Nam Phát Học duyệt y.

MỤC LỤC

- | | |
|--|---------------|
| 1) Giải-phóng và Giải-thoát | Thích Minh- |
| 2) Ưu bà tắc (số 3) (Kinh-học) | Thích Trí-C |
| 3) Nghiên cứu luận Duy thức (Luận-học) | Thích Kim |
| 4) Thiện Ác Nghiệp Báo | Thích Minh- |
| 5) Lịch-sử Ngài Liễu-Quán | Thích Chơn |
| 6) Những Mẫu Chuyện Đạo | Thích Minh- |
| 7) Phật Tánh | Thích Thuyền- |
| 8) Tin tức | |

TIN TỨC

TỔNG-TRỊ-SỰ. - 1) Tiếp theo thông tư số 294/TTS ngày 13-9-50 Tổng Trị Sự xin nhắc lại và yêu cầu các Hội và Chi Hội gửi gấp các bản báo cáo các Phật sự biên bản Đại Hội Đồng thường niên về Văn Phòng Tổng Sự trước ngày 19-11-1950 để T.T.S. có đủ tài liệu tường trong dịp Tổng Hội Đồng thường niên sắp đến. Mong các Hội và Chi Hội lưu tâm để Phật sự tiến hành được viên

II) Đề T.T.S. có đủ phương-tiện tiến-hành Phật-sự, theo thông tư số 289/TTS ngày 6-9-50, Tổng Trị-Sự xin lại các Tỉnh Hội và chi Hội gửi gấp các khoản phụ nạp thiếu về niên khóa 1950 trước ngày 30-9-50, và các khoản thỉnh kinh sách của ban Phát Hành Văn Hóa T.T.S để tiết kiệm toán sổ sách.

III) Thầy Chánh Hội Trưởng T.T.S. đã an cư vào ngày Am lịch tại chùa Linh Mục, công việc Tổng Trị Sự uỷ n lại Đạo hữu Phó Hội Trưởng Tôn-thất-Tùng.

IV) Tổng Trị Sự đã nhận được 200 cuốn kinh Thủy của Thầy Thích Huyền Dung phiên dịch và do Đạo Hữu Thiện Phước Trí ấn tống.

QUẢNG TRỊ. - Tổng Trị Sự đã mời Thầy Giảng Sư Thanh Thủy ra giảng cho toàn thể Hội viên Tỉnh Hội Trị trong một thời gian theo lời yêu cầu của Tỉnh Hội ấy cuối tuần tháng 9 Dương lịch này.

Tổng Trị Sự đã nhận được số tiền 4.300đ về các kh

Cúng dường Giảng Sư (700đ), cúng dường Ni trưởng Đức (200đ), Phật Học Tùng Thư (300đ), ủng hộ quỹ Viên (100đ)

(xem qua trang 39)

GIẢI PHÓNG VÀ GIẢI THOÁT

Có lẽ, sau sự đình-chiến giả-dối của trận chiến tranh hứ hai, việc thời sự lớn lao nhất là sự giải phóng nước Ấn-Độ, giải phóng lãnh thổ và chính trị thoát khỏi sự đô hộ của ngoại bang. Phật tử chúng ta rất đón mừng tin ấy, vì đạo Phật không bao giờ công nhận một hình thức chinh phục nào, một sự áp chế giữa nòi giống, giữa giai cấp, và giữa phái nam nữ. Nhưng chúng ta thấy làm buồn mà nhận thấy rằng, sự giải phóng đã đem cho toàn xứ Ấn-Độ, toàn cõi Á-đông và tất cả những ai yêu mến Đông-phương hy vọng và sung sướng, sự giải phóng ấy đã mở màn cho nhiều sự chém giết rừng rợn và dã man.

Chúng ta không nên ngạc nhiên, vì khối người dễ bị kích động, hay mù quáng bởi mọi sự tuyên truyền, hiếu ăn, thiếu giáo dục, đã thoát ra ngoài sự điều khiển của vị đã giải phóng dân tộc Ấn-Độ. Than ôi! Thật khó khăn mà giải phóng con người thoát khỏi những tánh ham, sân, si, và đức Phật thật đã sáng suốt khi Ngài nói rằng ba tánh ấy là nguồn gốc của tất cả những sự đau khổ chúng ta hiện tại.

Nhưng những sự bạo hành dẫu cho quá tại tại như vậy, không cho phép chúng ta nói rằng nước Ấn-Độ chưa sẵn sàng để được giải phóng, và không hề tự cai trị lấy mình, vì rằng những sự quá khích ấy không phải riêng gì cho người Á-Đông.

Chúng ta đừng có mau quên những sự tàn sát, những trận chiến tranh tôn-giáo ở Âu-châu, cuộc viễn chinh của Thập-tự-quân, sự tàn sát dân Albigeois và ngày Thánh Barthélémy và tất cả những cuộc hành hình rừng rợn trong lịch sử truyền bá của đạo nhiệt thần.

Không gì chia rẽ mọi người bằng những thành kiến về Thượng-Đế.

Chỉ riêng người Phật tử không bao giờ hờ hào những trận « Giặc Thánh » (không trận giặc nào gọi là Thánh được), bởi vì người Phật-tử không bao giờ bắt buộc ai theo đạo của mình, cũng không tranh chiến những ai không hiểu Phật-Pháp, cũng không sáng chế ra một tổ chức thần học nào.

Có người trả lời rằng, ở xứ sở chúng ta, các trận chiến tranh tôn giáo đã thuộc về quá khứ rồi. Nhưng nếu sự thật hiện nay, dân chúng ở Âu-châu không còn đắm say theo những tôn giáo đã bị suy đồi của mình, một điều rõ ràng ai cũng phải xác nhận là tánh cò chấp thiên vị của quần chúng đã thay lý tưởng tôn giáo bằng một lý tưởng chính trị và chính lý tưởng chính trị này đã làm chia rẽ tàn hại giữa những dân tộc đồng một quốc gia; lý tưởng chính trị này cuối cùng sẽ đào một hố sâu ngăn cản những chủng tộc ở Âu châu không cho hiểu nhau. Cái hố không thể vượt qua này như dành riêng cho những bom bay hay những phát minh kỹ diệu khác để tàn hại các bậc Thánh, các người hiền và quê đất nuôi sống muôn loài.

Sự cố chấp và sự mê mờ ở thời đại nào, ở xứ sở nào cũng có, và hiện tại sự suy tàn của tinh thượng làm cho mạnh mẽ thêm lên. Riêng, chỉ có một phần tư tinh hoa ở rải rác chỗ này chỗ kia là hiểu được sự đoàn kết, sự tương quan, tương duyên giữa tất cả chúng sinh, và ảnh hưởng của những nghiệp nhân tác động của chúng ta trên toàn thể vũ trụ.

Người ta nói nhiều đến tư tưởng siêu việt ở Ấn-Độ, vì dân tộc Ấn-Độ đã có thiên tánh-nhận thức được sự đồng thể của muôn vật dưới sự sai khác và sự phức tạp của những hình thức giả dối. Sự nhận thức ấy làm nền tảng cho mọi học thuyết Du Già. Qua

đời sống vũ trụ ấy. Shakespeare, Goethe và Thánh François ở Âu-Châu cũng đã nói đến; và đức Phật xây dựng lòng Từ Bi chung cùng khắp vũ trụ của Ngài trên nền tảng nhân sinh quan ấy.

Chúng tôi nghĩ rằng, sự nhận thức thực tánh của vũ trụ là một triệu chứng lý trí được phát triển đối với những nhà chuyên lo mở rộng đời sống bên trong, và do đó tự thành những người duy trì, giữ gìn tư tưởng ấy, lý tưởng đoàn kết ấy. Nhưng một khi con người còn tin tưởng vào những tin điều, còn tin rằng có một linh hồn hay một cái ta riêng biệt ngoài vũ trụ thời đời sống của người ấy sẽ bị hạn cuộc trong vòng tư kỷ.

Muốn bước qua ngưỡng cửa cách biệt mình với đời sống ở ngoài và để cho tâm thức (trước do linh tính, sau thế nhận) đi sâu vào cảnh giới nội tâm, trong ấy mọi sự đối đãi đều được trừ diệt, con người phải vượt qua thành trì bản ngã. Trong tất cả thời, các bản ngã giả tạm, tan biến, chất chứa tham dục muốn nắm giữ những gì giả tạm tan biến như mình, các bản ngã ấy luôn luôn ngăn trở không cho thế nhập vào chân lý cứu cánh.

Đạo lý vô ngã không linh hồn, không thế chất của các bản ngã kia chính làm nền tảng cho tất cả giáo thuyết của đức Phật. Người nào không còn phân biệt giữa mình và mọi người tức đã thành một vị Bồ-tát, một bậc sáng suốt giác ngộ. Và ở đời, trong thời đại nào cũng rất khổ mà gặp được một bậc như vậy; riêng tôi, tôi rất sung sướng được biết ít nhứt là một vị giải thoát ấy. Thoát ly ra ngoài sự chi phối của bản ngã, và lòng tham dục đầy nhầy của nó tức là thoát ly ra ngoài sự đau khổ do lòng ích kỷ của chúng ta tạo nên.

Không gì vô ích và chân nền bằng để cho sự truy
lạc, vật chất và đạo đức của thời đại hiện tại và sự
phá sản tinh thần bề ngoài luôn luôn thời miên âm ảnh
chúng ta. Trong thời vận hạn hàn khô khan nhất, luôn
luôn vẫn có, chỗ này chỗ kia, một ven suối, một giòng
nước không bao giờ rã cạn, và chúng ta cần phải tìm
đến, đào lên. Những ngọn nước linh động ấy rất có
thể ở trong tâm của mỗi chúng ta. Chúng ta sống trong
sự cuồng động của hư huyền và giả tạm, và chúng ta
phần nhiều nhận thức được thực trạng ấy. Những chân
lý thường còn thiết thực ra ngoài chi phối của thời
gian, ra ngoài mọi sự thay đổi, và chúng ta không thể
thêm căng như không thể bớt trong địa hạt « không sanh,
không thành, không diệt » và chỉ riêng tư tưởng mới
thấu đạt được. Nhận thức được điểm này là điều kiện
thiết yếu để lại tự nhận chân được Niết Bàn là một
thực sự. Luôn luôn nhận thức được như vậy, trong
tất cả thời, sẽ là sự giải thoát hoàn toàn, sự giác ngộ
tuyệt đích.

Nếu sống với những người ngu dốt là một sự đau
khổ thời sống với những bậc Thánh nhân là một đặc
ân cần phải xứng đáng để được hưởng thọ. Trong khi
chờ đợi, chúng ta cần phải diệt trừ mọi sự mê mờ
của chúng ta; một công việc khó khăn nhưng có thể
thực hành được, nhờ ở thời gian và ở lòng kiên
nhẫn tuân theo một kỷ luật sáng suốt tự mình bắt buộc
lấy miah.

Đức Phật sẽ không bao giờ dạy rằng: « Các
người hãy tự thấp xuống mà đi » nếu Ngài không tin
tưởng rằng mọi người có thể tự lực tìm kiếm; phở
bày ánh sáng giải thoát tiềm tàng trong tự thân mỗi
người. Nhưng những ai có chút thông minh và hiểu biết
hơn, hãy đề dặt và đừng có tự thỏa mãn hoặc tự kiêu
hãnh một cách mù quáng.

Không một người nào, một nhóm nào có thể nói rằng mình đã thấu hiểu được tất cả sự thật, và một thế giới thuần tuởng không có ghi tên trên quả địa cầu. Trong nhân loại, trong mỗi mỗi sinh vật thật có nhân cách, ẩn tàng những đức tánh của bậc Thánh nhân cần phải nện bầy và làm tăng trưởng.

Kinh Rahuła Sutta nói rằng: « Hay làm cho phát triển nảy nở lòng từ, bi, hỷ, xả » và nhờ vậy lòng tật đố, lòng giận hờn lòng ganh ghét và sự phồng dật được trừ giảm dần; và nhờ ảnh hưởng của tự thân, được trừ giảm dần nơi mọi người. Sự quân tử bốn môn vô lượng tâm, Từ, Bi, Hỷ, Xả đem lại nhiều kết quả đặc biệt, làm bớt lòng ích kỷ và sự loạn động của chúng ta và mở rộng lòng của mọi người. Chúng ta có quyền lựa chọn, muốn mở rộng lòng mình với lòng từ bi vô lượng, hay làm nhỏ hẹp lại bởi lòng sân hận xấu xa của mình.

Mong rằng dân tộc Ấn-Độ anh em chúng ta nhớ lại những lời dạy này của đức Phật. Mong rằng lòng Từ Bi của đức Phật, Ánh sáng của Á-Đông, sống dậy trên quả đất này, thấm nhuần rưới khắp những giọt nước hòa bình nhân đạo trên quả đất bị nóng đốt cháy này, như dưới thời đại vua A-Dục. Mong rằng tư tưởng « bất bạo động » làm rơi gãy những lưỡi kiếm sắc bén, và nước Ấn-Độ đã cho chúng ta đấng Từ Bi tối thắng, hãy tự mình nhận được, không tình huynh đệ (tình này có thể trở lại anh em giết hại lẫn nhau) mà chính là đạo lý nhiệt thờ, trong ấy một người tự nhận mình là một tế bào trong toàn thể, như Ngài Pháp sư Thái-Hư đã thường dạy.

Trước sự bộc phát hiện tại của tánh hung ác, chúng tôi nghĩ đến nỗi đau khổ sâu kín của Gandhi, một bậc đáng tôn xưng là bậc Thánh. Thế thay, chúng ta không thể hoán cải một dân tộc theo con đường Thánh Đạo, chúng ta chỉ có thể chỉ con đường đi trong sự thất vọng nhất thời ấy, chúng tôi mong rằng Thánh Gandhi có thể tự an ủi rằng Thánh thất là trung tâm của Hòa bình, đã phát chiếu ánh sáng hòa bình và là một hình ảnh linh động của chủ nghĩa không bạo động.

Chúng ta cũng mong rằng chúng ta sẽ cố gắng làm chiếu tỏa ánh sáng hòa bình, vì rằng tư tưởng là sức mạnh mãnh liệt nhất trong một thế giới tinh thần. « Chúng ta uốn thành theo tư tưởng của mình, và nếu không có sự an tịnh ở nội tâm, thời mọi sự quán tưởng, mọi sự tiến triển tinh thần đều thất bại. Những người giữ được nội tâm an tịnh thời không gì xoay chuyển nổi, dầu cho phải ở trong một thế giới đảo điên cường động mà sự thù ghét muốn làm cho tan nát.

Người Á-Đông thường truyền tin rằng có những bậc Thánh nhân sống trong cảnh giới an tịnh của rừng núi, luôn luôn quán tưởng đến đức Phật, thể nhập trong tư tưởng giới với đức Đại Từ Đại Bi, và chiếu sáng hình ảnh cao đẹp của đức Phật trên toàn thể Vũ trụ. Người ta đồn rằng những vị Thánh ấy vẫn còn sống như thường, và những loài thú vật mà chúng ta gọi là dã man đều đến nằm dưới chân, tánh hung ác được uốn dẹp dịu hòa cũng như lòng tham dục của loài người được uốn dẹp trước sự giác ngộ cao thượng của đức Phật khi còn sống. Hoang đường hay sự hắt, chúng ta mong rằng có thể là, một sự thật có, để làm vinh dự cho loài người, bởi vì cũng như chỉ một thứ lúa a swi âm tất cả gia đình, chỉ một sự an tịnh làm trong sạch tất cả cõi lòng khắp cả vũ trụ, trước khi sự an tịnh này đoàn kết toàn thể nhân loại.

Chúng ta chỉ cần làm phát triển sự an tịnh ánh sáng giải thoát ấy, vì biết rằng sự phát chiếu của nó đem lại rất nhiều lợi ích cho tất cả sinh vật, không phân biệt giống nòi. Chúng ta đừng quên rằng, nếu mỗi dân tộc có những màu da khác nhau, nhưng những quả tim, tất cả quả tim đều một màu đỏ như nhau, được thấm nhuần cùng một giống máu nghiệp báo như nhau, và giống máu ấy sẽ dập chung cùng một nhịp đều đều, một khi mọi sự kích động được trừ diệt. Đức Phật phải chăng là một vị thầy thuốc tối thắng điều trị được tất cả căn bệnh của chúng ta những căn bệnh của nước Ấn Độ, cũng như căn bệnh của dân tộc Châu Âu.

Trích dịch bài Xá-thuyết của tờ báo
« La Pensée Bouddhique » xuất bản ngày mùng 10 năm 1947
(trước ngày Thánh Gandhi 5j ám sát).

U'U BÀ TẮC GIÓI

(Số 3)

THÍCH TRÍ-QUANG

IV. GIẢI THOÁT PHẦN PHÁP

— Thiện nam tử! Nếu ai thực hành được từ-bi thì ông phải biết người ấy được căn bản của một pháp. Pháp ấy là giải-thoát-phần.

— Bạch đức Thế Tôn! Căn bản của giải-thoát-phần là gì?

— Thiện nam tử! Là thân, miệng, và ý. Thân, miệng, và ý do phương-tiện mà được thành căn bản của giải-thoát-phần. Phương-tiện ấy có hai, là học hỏi và suy xét; lại có ba thứ nữa, là bố thí, giữ giới, và học nhiều.

— Bạch Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn vừa dạy do ba phương tiện mà được giải-thoát-phần, vậy ba phương tiện ấy có cần phải quyết định đủ cả không?

— Thiện nam tử! Không. Tại sao? Vì có người trong nhiều kiếp đem nhiều của cho nhiều người mà không thể được giải-thoát-phần; ngược lại, có người trong một đời đem một ít bần cho một người hành khát lại có thể được giải-thoát-phần. Có người gặp nhiều Phật-dà giữ đủ tịnh-giới mà không được giải-thoát-phần, trái lại, có người một ngày đem giữ tám trai giới lại có thể được giải-thoát-phần. Có người trong nhiều kiếp gặp nhiều Phật học nhiều

kinh sách mà không được giải-thoát-phần, ngược lại, có người chỉ học một bài tụng 4 câu lại được giải-thoát-phần. Tại sao lại như thế? Vì mọi người tâm trí không đồng nhau. Thiện nam tử! Nếu ai không xét thấy khổ não của sinh-tử, thường lạc của niết-bàn, thì người ấy dầu bố thí, giữ giới, học nhiều, cũng không thể được giải-thoát-phần; nếu ai từ bỏ khổ não của sinh-tử, biết rõ thường lạc của niết-bàn, thì người như thế tuy bố thí ít, giữ giới ít, học hỏi ít, vẫn có thể được giải-thoát-phần ngay.

Thiện nam tử! Được giải-thoát-phần trong ba lúc: lúc Phật đã ra đời, lúc Duyên giác ra đời, nếu không có 2 bậc này thì lúc các vị trời sắc-cứu-cách nói pháp GIẢI THOÁT, người ấy nghe rồi cũng được giải-thoát-phần. Thiện nam tử! Như tôi khi mới lập chí mong cầu Vô-thượng-bồ-đề, bấy giờ không gặp Phật đã, chẳng thấy Duyên giác, chỉ nghe trời tịnh-cư nói pháp GIẢI THOÁT liền lập chí nguyện ấy.

Thiện nam tử! Giải-thoát-phần không phải loài trời ở dục-giới có thể được, vì họ phóng túng dục lạc; loài trời ở sắc-giới cũng không thể được, vì họ không bố thí, giữ giới, học hỏi; loài trời vô-sắc cũng không thể được, vì họ không có thân, miệng mà căn bản của giải-thoát-phần là thân, miệng, và ý. Ngay loài người ở Câu-lô-châu cũng không được, vì không thực hành ba phương tiện. Giải thoát phần chỉ có loài người có thể được, vì loài người có thể được giải thoát của Thanh văn, được giải thoát của Duyên giác, và được giải thoát của Bồ-tát. Loài người nếu gặp thiện-trí-thức khuyến tiến thì có thể chuyển giải thoát của Thanh văn được giải thoát của Duyên giác, chuyển giải thoát của Duyên-giác được giải thoát của Bồ-tát. Đến giải

thoát-phần của Bồ-tát được thì không thoái chuyển nữa* không hư rã nữa.

— Bạch đức Thế Tôn ! Người nói pháp GIẢI THOÁT làm sao phân biệt được ai có giải-thoát-phần ai không có giải-thoát-phần ?

— Thiện nam tử ! Giải thoát phần có hai hạng được, là tại gia và xuất gia. Hai hạng ấy chỉ tâm nghe chánh pháp GIẢI THOÁT, nghe rồi nhớ và thực hành, nghe nỗi khổ của ba ác thú lòng rất khiếp hải, rợn người, úa lẹ, ăn chay giữ giới, cho đến lỗi nhỏ cũng không dám phạm. Người như thế là người có thể được giải-thoát-phần.

Thiện nam tử ! Các ngoại đạo được thiên định cao nhất, sống lâu qua thời gian rất dài, nhưng không thể được giải-thoát-phần thì nên coi họ là người địa ngục. Nếu người ở trong địa ngục khổ nhất, qua thời gian rất dài chịu đủ thống khổ khốc liệt, nhưng có thể được giải-thoát-phần thì nên xem họ là người niết bàn. Thế nên, Thiện nam tử ! Tôi thương ông Uất-dầu-lam mà không thương ông Đề-bà-đạt.

Thiện nam tử ! Ông Thu Tử trải sáu vạn kiếp cầu trí giác bồ đề mà thoái chuyển là vì ông ấy chưa được giải-thoát-phần ; tuy vậy, vẫn hơn các vị Thanh văn Duyên giác lợi căn. Thiện nam tử ! Giải-thoát-phần có ba, là thấp, vừa, và cao. Thấp là Thanh văn, vừa là Duyên giác, cao là Phật đà. Thiện nam tử ! Có người cần cầu tại-gia-giới, qua vô số thời gian thực hành đúng những điều đã nghe, vẫn không được giới ấy ; lại có người cầu cụ-túc-giới, qua vô số thời gian thực hành đúng những điều đã học, vẫn không được giới ấy, như vậy là vì sao ? vì không

có khả năng có thể được giải-thoát-phần. Những người này chỉ có thể gọi là tu giới chứ không thể gọi là giữ giới. Thiện nam tử! Nếu người được giải-thoát-phần thì hành động tuyệt không có những nghiệp nhân cầu sinh tam giới, chỉ nguyện sinh những chỗ lợi ích chúng sinh; nếu người ấy biết trong hành động của mình có những nghiệp nhân sinh cõi trời thì tức thời xoay nghiệp nhân ấy lại cầu sinh trong loài người — Nghiệp nhân ấy là bố thí, giữ giới, tập định, theo tâm vị ngã. Thiện nam tử! Các vị Thanh-văn nếu có thể thì có thể không quá ba đời là được giải-thoát-phần. Các vị Duyên giác cũng vậy. Còn giải-thoát-phần của các vị Bồ-tát được thì trải qua vô số đời kiếp cũng không thoái chuyển, chính tâm không thoái chuyển ấy thù thắng hơn tất cả Thanh văn và Duyên giác. Thiện nam tử! Giải-thoát-phần thù thắng ấy nếu được thì bố thí ít mà vẫn được kết quả nhiều, giữ giới ít, học hỏi ít cũng vẫn kết quả như thế. Người ấy dầu ở trong ba ác thú mà hoàn toàn không như ba ác thú. Nếu được giải-thoát-phần thù thắng như vậy tức là đến địa vị Điều-nhu. Tại sao gọi là địa vị Điều-nhu, là vì hết thấy phiền não đả bại nhược, nên địa vị này gọi là Ngược dòng. Thiện nam tử! Có 4 hạng người: có người xuôi dòng sinh tử, có người ngược dòng sinh tử, có người không xuôi không ngược, có người đã đến bờ bến. Thiện nam tử! Giải-thoát-phần mà Thanh văn được thì gọi là địa vị Nhu nhuyễn, Bồ-tát gọi là địa vị Nhu-nhuuyễn mà cũng gọi là địa vị Hoan-hỷ; tại sao gọi là Hoan-hỷ? vì không thoái chuyển nữa, vì là bồ-tát chân thật — tại sao gọi là bồ-tát chân thật, vì luôn luôn giác ngộ chúng sinh tâm — Các vị Bồ-tát dù thông suốt ngoại điển mà không tự mình hay khuyên người thực

hành. Các vị Bồ-tát này không gọi là người, là trời, không thuộc về 5 thú, mà là người thực hành Đạo Không-chướng-ngại.

Thiện nam tử! Hạt giống của trí giác Bồ-đề có 4, là không ham tài sản, không tiếc tánh mạng, thực-hành đức nhẫn, và thương xót chúng sinh. Thiện nam tử! Nuôi lớn hạt giống Bồ-đề ấy lại có 5 điều, là với bản thân không bao giờ tự khinh rằng mình không được Trí-giác vô-thượng, chịu khổ sở mấy cũng không chán nản hối hận, tinh tiến hành động không dừng không nghỉ, cứu giúp vô số đau khổ cho chúng sinh, và tán thán công đức vĩ đại của Tam bảo. Người trí tuệ khi thực hành trí giác Bồ-đề phải luôn luôn thực hành năm điều ấy. Bởi dường này nở hạt giống trí giác Bồ-đề lại còn sáu điều nữa, là bố thí ba la mật cho đến trí tuệ ba la mật. Sáu điều ấy do một điều này trưởng thành là không phóng túng. Cho nên bồ-tát phóng túng thì không trưởng thành được sáu ba la mật, mà không phóng túng thì điều gì cũng trưởng thành cả. Thiện nam tử! Khi bồ tát cầu trí giác Bồ-đề lại có bốn điều, là gần gũi bạn tốt, tâm chí cứng chắc, làm việc khó làm, và thương mến chúng sinh; lại có bốn điều, là thấy người được lợi lòng mình hoan hỷ, thường thường khen ngợi việc tốt của người, thường muốn thực hành sáu pháp niệm xứ, thường chỉ cho người biết khổ sinh tử. Thiện nam tử! Bảo ngoài tám điều này mà được trí giác Bồ-đề là điều vô lý. Thiện nam tử! Ai mới phát tâm Vô-thượng-bồ-đề thì bấy giờ người ấy liền gọi là ruộng-phước-vô-thượng. Người ấy thù thắng nhất trong tất cả vũ trụ, tất cả muôn loài.

Thiện nam tử! Vô số thế giới có vô số Phật đà, vì thế giới vô biên nên chúng sinh vô biên, chúng sinh vô biên nên Phật đà vô lượng, nhưng Chánh pháp Phật đà rất khó mà được, nếu Chánh pháp dễ được thì một đức Phật đà đáng lẽ có thể giáo hóa hết thấy chúng sinh, nhưng nếu như thế thì chúng sinh không phải vô biên rồi. Thiện nam tử! Phật đà ra đời giáo hóa chín vạn ức người, Thanh văn giáo hóa một ức, vậy mà chúng sinh không hết nên gọi là vô biên. Và vì vậy mà các kệ kinh Tiểu thừa tôi nói không có mười phương Phật đà, tại sao tôi nói không có, là vì sợ mọi người khinh dị Chánh Pháp chư Phật. -- Nhưng Chánh pháp của chư Phật không nhiếp thuộc trong phạm vi thế đế, nên lời tôi không phải hư vọng -- Tôi không có tâm tạt đổ, nhưng vì khó được nên nói không có mười phương Phật đà. Có người hỏi nếu hiện tại có mười phương Phật đà thì tại sao trong kệ kinh Phật dạy chỉ hai khoảng quá khứ vị lai có vô lượng Phật đà chứ không nói hiện tại cũng có vô lượng? Thiện nam tử! Nói thế là tôi căn cứ một thế giới hệ; một thế giới hệ thì quá khứ vị lai có vô số Phật đà nhưng hiện tại chỉ có một vị. Thiện nam tử! Sự thật thì Phật đà vô số, và ai cũng có thể thành Phật đà, nhưng vô số chúng sinh thực hành Chánh pháp Phật đà có vô số người thoái chuyển, lâu thay mới có một người được cứu kính, như hoa cây như trứng cá, sinh nở tuy nhiều nhưng đậu được rất ít. Như vậy là vì sao? Vì vô số chúng sinh phát bồ-đề-tâm nhưng không phải ai cũng có thể cứu kính thực hành bồ-tát-hạnh.

Thiện nam tử ! Bồ-tát có hai, có vị tại gia có vị xuất gia. Xuất gia bồ tát được giải thoát phần, điều ấy không chớ, tại gia bồ-tát được mới rất khó khăn, tại sao, vì người tại gia bị vô số những điều ác liệt bao vây.

BỊ CHÚ

Giải thoát phần : tức là vô lậu trí và bước đầu của vô lậu trí là đa hạnh huệ và thắng giải huệ. Vô lậu trí là trí tuệ giải thoát, tất cả nên gọi là giải thoát, giải thoát ấy còn ở trong nhân hạnh nên gọi là giải thoát phần, đến địa vị Phật đà thì gọi là giải thoát quả.

Phương tiện : Có hai nghĩa : phương pháp thích hợp khéo léo trong từng trường hợp gọi là phương tiện, mà phương tiện thực hành dự bị cũng gọi là phương tiện. Ở đây chỉ cho nghĩa sau.

Bài tụng 4 câu : dịch câu « tứ cú kệ ». Tứ cú kệ không phải chỉ cho những bài kệ 4 câu trong các kinh. Phép tính chữ của văn học Phật học là, thí dụ nội cuốn kinh gồm có 2000 chữ, đem 2000 chữ sắp hàng từng bài tụng 4 câu mỗi câu 5 chữ (hoặc 7 chữ, 4 chữ) thì gọi cuốn kinh ấy có 100 bài tụng. Bây giờ rút bất cứ bài tụng 4 câu nào trong 100 bài ấy mà thọ trì thì gọi là thọ trì tứ cú kệ.

Sáu pháp niệm xứ : 1/ niệm Phật : tưởng niệm người ; thật hiện sự thật ; 2/ niệm pháp : tưởng niệm sự thật ; 3/ niệm tăng : tưởng niệm người thật hành sự thật ; 4/ niệm giới : tưởng niệm sự giữ giới ; 5/ niệm hiện : tưởng niệm sự bố thí (nên cũng gọi là niệm thí) ; 6/ niệm tử : tưởng niệm sự chết.

Điều nhu : đối trị phiền não làm cho mềm đi.

3 đời : 3 thân, nghĩa là 3 lần sống chết, 3 giai đoạn của sinh mệnh.

LUẬN HỌC

NGHIÊN CỨU

DUY THỨC LUẬN

THÍCH KIM-SON

I. Tục Luận

(tiếp theo)

IV. NGUYÊN NHÂN CỦA DUY THỨC LUẬN

Tất cả các vị Bồ tát viết luận vì hai nguyên nhân:

- a) để phát huy Phật Pháp,
- b) để lợi ích chúng sinh.

Thế Thân bồ tát cũng vì những nguyên nhân ấy mà viết cuốn DUY THỨC LUẬN này. Vì các vị Bồ tát, không những viết sách như thế mà làm việc gì cũng vậy: tất cả hành động đều Phật Pháp và vì chúng sinh.

Nhưng đó là nguyên nhân chung, nghĩa là luận nào cũng vì vậy mà có, bồ tát nào cũng vậy mà làm. Riêng LUẬN DUY THỨC thì phản lại tư trào nào mà Thế Thân bồ tát viết ra

Lịch sử chép:

Lần kết tập Chánh pháp thứ tư kết quả bộ ĐẠI TỶ BÀ SA, một bộ luận vĩ đại, thố

nhất giáo lý Tiểu thừa, thuyết minh nghĩa « pháp thể hằng hữu ». Nghĩa ấy sau một thời gian, bị ngộ nhận thành hữu-chấp, làm cho người ngộ nhận không có tâm cao chí cả thực hành bồ tát hạnh, tiến đến bồ đề quả. Thấy tai hại ấy nên các bộ luận thuyết minh nghĩa « duyên sinh tánh không » được nổi tiếp phát hiện. Nhưng nghĩa ấy lại bị những người ác thủ không ngộ nhận. Ác thủ không nghĩa là hiểu lý chân không một cách sai lầm. Vì hiểu lầm lý chân không, người ta bèn phủ nhận tất cả nguyên lý « diệu hữu ». Vì phủ nhận diệu hữu nên sự hành động còn tai hại hơn những người hữu-chấp. Thấy vậy Thế Thân bồ tát bèn viết các bộ luận mà đặc sắc nhất là cuốn DUY THỨC LUẬN này, nêu cao đạo lý « duyên khởi duy thức » vạch rõ chính vì chân không mới diệu hữu: chính vì không thực có mới có không cùng tận.

Cho nên An-Huệ bồ-tát nói « Ngài Thế Thân viết DUY THỨC LUẬN là muốn làm cho mọi người hiểu rõ đạo lý *Duy Thức* sâu xa vi diệu ». Hộ Pháp bồ tát nói « Có người cho nội thức không thực, có người bảo ngoại cảnh thực có, có người cho thể đồng mà dụng khác, có người bảo ngoài tâm vương không có tâm sở. Vì dính chảnh những chủ trương sai lầm ấy, Thế Thân bồ tát viết DUY THỨC LUẬN để cho họ ngộ được đạo lý *Duy Thức* ».

Chính vì nguyên nhân ấy mà LUẬN DUY THỨC ra đời, cũng chính vì nguyên nhân ấy mà

LUẬN DUY THỨC thành cuốn luận « cao hiển pháp tràng » của Duy-Thức-Học.

BỊ CHÚ :

Pháp thể hằng hữu : bản thể duy nhất, thường trú ; sự thay đổi chỉ là hiện tượng đổi thay tùy theo các điều kiện tương quan quyết định. Nói ngược lại cho dễ hiểu : các hiện tượng sinh diệt nhưng tương tục là chính vì bản thể thường trú vậy.

Hữu chấp : ngộ nhận tất cả hiện tượng đều thực có

Bồ tát hạnh : hành động tự giác giác tha. Hành động tự giác giác tha là hành vi của các vị Bồ tát nên gọi là bồ tát hạnh.

Bồ đề quả : Bồ đề : trí giác tuyệt đối. Trí giác tuyệt đối là kết quả cuối cùng của người tu hành (mà thành tựu bởi hành vi tự giác giác tha) nên gọi là Bồ đề quả.

Duyên sinh tánh không : Duyên sinh nghĩa là các pháp do sự tương quan mà trình bày. Tánh không nghĩa là không có đặc tánh. Đã do sự tương quan mà trình thì tức là không có đặc tánh, nên gọi là duyên sinh tánh không.

Duyên khởi duy thức : Chính vì các pháp tánh không nên tùy duyên hiện hành thành ngàn vạn sai biệt, ví như huyền thuật chính vì huyền thuật mới huyền hiện ra vô số huyền tướng. Đạo lý này vì vậy mà gọi là huyền hữu hoặc gọi là diệu hữu. Nhưng các duyên (các điều kiện tương quan) do Tâm Thức làm chủ thể nên duyên khởi tức là duy thức, nói một cách khác, duy thức tức duyên khởi vậy.

Thiện - Ác Nghiệp Báo

THÍCH MINH-CHÂU

I. — Lời nói đầu : Con người ở đời, vui buồn, sang giàu, thông-minh, ngu dốt, mỗi người mỗi tánh tình, mỗi người mỗi hoàn cảnh, riêng biệt sai khác nhau. Nguyên nhân chỉ vì mỗi người tạo nghiệp riêng biệt, và chính *nghiệp* tác động và chi-phối tất cả. Bài « thiện ác nghiệp báo » này sẽ phân-tách các nhân, chia chẻ các quả, nhấn mạnh ở sự liên lạc và sức mạnh của những nghiệp nhân và nghiệp quả.

II. — Định nghĩa : *Thiện* nghĩa là lành, là tốt, đúng với sự thật, nghĩa là việc gì có lợi ích cho mình và cho người ở hiện tại và tương lai. *Ác* nghĩa là dữ, là xấu, trái với sự thật nghĩa là những việc gì có hại cho mình và cho người ở hiện tại và tương lai. *Nghiệp* là những hành động về thân, miệng và ý, tạo thành những sức mạnh chi phối tự thân và hoàn-cảnh. *Báo* là quả báo nghĩa là những kết-quả do các *nghiệp* nhân tạo tác ra. *Thiện ác quả báo* là sự *kết quả báo ứng* của những *nghiệp thiện* và *nghiệp dữ* do tự thân tạo ra và tự mình hưởng chịu cùng hoàn cảnh xung quanh nữa. Nghĩa là nếu con người tạo những nghiệp nhân *Thiện* thì được quả báo *thiện*, tạo những nghiệp nhân *Ác* thì bị quả báo *ác*, không bao giờ sai chạy.

Vi-dụ : Mình tử-tế với người, thì người tử-tế lại với mình do tạo nghiệp nhân *thiện* tử-tế với người, nên được quả báo *thiện* người tử-tế với mình. Có ác ý hại người thì người sẽ hại mình ; do tạo những nghiệp nhân *ác* hại người, nên được quả báo *ác* người hại mình.

III. — Nghĩa chữ thiện ác : nghĩa chữ *thiện ác* không được minh định rõ-ràng, *thiện ác* theo nghĩa thế-gian và quan-niệm *thiện ác* theo đạo Phật có thể sai khác.

A. — THIÊN ÁC THEO THẾ-GIAN :

1. — **Thiện ác theo phong tục :** Tùy theo phong-tục, đúng với thói quen thì cho là thiện, dẫu cho trái với lẽ phải. Như ở Châu Phi, con cái giết cha mẹ già ăn thịt cho là thiện, xử mình cha mẹ mất sớm, giết trâu bò tế lễ mà cho là việc phải, thành thử đối với phong-tục là thiện mà xét theo lý luận đúng đắn thì phải cho là ác. Phong tục mỗi xứ mỗi khác, phán đoán về phương-diện phong-tục thì nhắm mắt theo phong-tục là thiện, trái với phong-tục là ác; lối phán-đoán như vậy không có chuẩn-dịch, không thể đúng đắn được.

2. — **Thiện ác theo hình luật :** Hình luật cốt đem lại sự trị-an trong một nước, những việc gì trái với hình luật thì gọi là ác và trừng-trị. Những việc gì không phạm đến hình luật thì cho là phải, và khỏi bị trách phạt. Như vậy thôi những điều ác thì quyết là ác, nhưng điều thiện vị tất là thiện; và lại những điều ác trong tâm niệm thì ra ngoài phạm-vi hình luật vì không có bằng cứ rõ ràng. Hơn nữa, hình luật đặt ra để mưu sự trị an và sự phồn-thịnh cho một nước thì rất có thể những hình luật ấy mưu hại các nước khác hoặc dung túng những sự sai lầm cho dân trong nước, miễn rằng việc ấy đem lại cho sự lợi ích cho nước của mình là được. Do đó nghĩa chữ thiện ác không được rõ-ráo.

3. — **Thiện ác theo thần-giáo :** Lại như các thần giáo, tuy rất chú trọng các điều thiện ác và muốn sửa trị cả tâm bịnh loài người, nhưng phần nhiều cũng chỉ phán đoán thiện ác trong phạm-vi nhưn loại mà thôi. Các thần giáo thường dạy rằng : « kính mến các vị tạo-hóa, các vị thiên-thần là thiện, không kính mến các vị thiên-thần các vị tạo-hóa là ác ». Mỗi thần-giáo đều có mỗi vị tạo hóa, mỗi vị thiên-thần khác nhau, làm cho người không biết lấy gì làm thiện ác. Huống chi nếu vị kính mến các vị tạo-hóa, các vị thiên thần mà làm rối cuộc trị an, mà làm tổn hại các sanh vật khác thì không phải là thiện. Trái lại đánh đổ những lối tín ngưỡng mơ-hồ làm cho nhân-loại hết đường chọn chánh mà xu hướng thì không thể gọi là ác được. Như vậy lối phán đoán thiện ác theo thần-giáo cũng chưa được hoàn toàn.

4. — Thiện ác theo đạo Phật: Đạo Phật định nghĩa chữ thiện là những việc gì đúng với sự thật, có lợi cho người và cho mình trong hiện tại và tương-lai, ác là những việc gì sai sự thật, có hại cho người và cho mình trong hiện tại và tương lai. Theo thế-gian pháp và xuất thế-gian pháp có thể chia các việc thiện ra ba loại: hữu lậu ác, hữu lậu thiện và vô lậu thiện,

a) **Hữu lậu ác** : là những hành động độc-ác khiến loài người bị đọa-lạc trong sự luân hồi sanh tử. Hữu lậu ác thì nhiều nhưng không ra ngoài 5 điều nghịch và 10 điều ác. Năm điều nghịch là giết cha, giết mẹ, giết các vị A-la-hán, phá hòa hiệp Tăng và làm thân Phật chảy máu; mười điều ác là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói lời độc-ác, tham, sân và si. 5 điều nghịch và mười điều ác này nhứt định làm tổn hại cho mình và cho người, phải đọa lạc trong sự khổ-sở luân-hồi nên gọi là hữu lậu ác.

b) **Hữu lậu thiện** : là những điều lành, tuy có thể làm cho mình và cho người được hưởng những quả-báo lành tốt đẹp, nhưng chưa có thể giải thoát con người khỏi phải đọa-lạc trong đờng sanh tử, nên gọi là hữu lậu thiện. Hữu lậu thiện có thể chia làm hai loại, một là chỉ thiện nghĩa là đừng nghĩ, không làm các việc ác, như là không làm 5 điều nghịch và 10 điều ác, hai là tác thiện là làm 10 điều lành là phóng sanh, bố thí tịnh hạnh, nói lời chơn thật, nói lời ngay thẳng nói lời dịu ngọt, nói lời phân giải. Từ bi nhân-nhục, suy nghĩ chánh lý.

c) **Vô lậu thiện** : Các việc lành trên đời đời các việc ác nên gọi là thiện, nhưng còn ngã chấp chủ động, còn hy-vọng quả báo chưa có thể làm cho con người khỏi phải sống chết luân hồi, nên chưa rốt-ráo là thiện. Chỉ có những việc thiện tuyệt đối, không có ngã chấp chủ động, không có kỳ vọng quả-báo, thuận tánh khởi dụng... thuận với thực tướng, rõ suốt viên lý là thiện, trái với thực tướng, chấp trước viên lý gọi là ác

chỉ có hàng viên giáo Bồ-tát và các chư Phật mới hành thiện một cách rốt ráo mà thôi.

VI. — NGHĨA CHỮ NGHIỆP :

10 — Định danh : Nghiệp tiếng Phạn là Karma, Tàu dịch là tạo-tác, nghĩa là những tác-dộng về thân về miệng và về ý tạo thành những sức mạnh chi-phối tự thân và hoàn-cảnh.

20 — Các món nghiệp : Nghiệp về nhân có ba ; một, là ý nghiệp là ý suy nghĩ, hai là khẩu nghiệp là miệng nói ra tiếng, ba là thân nghiệp là thân làm các việc.

Lại *Nghiệp có hữu-lậu thiện* là những nghiệp khiến con người còn trôi lăn trong biển sanh tử, *bất động-nghiệp* là nghiệp của hàng chư Thiên có sắc giới và vô sắc giới thiên, tâm thường huyền định tùy theo sức định mà thọ quả địa trên thượng-giới, quyết không biến-dộng, *bất tư nghì nghiệp* là nghiệp của các vị đã thấu rõ chơn tâm, tuy không mắc vào một nghiệp nào mà có thể hiện ra hóa thân làm vô số nghiệp mà độ sanh, không thể nghĩ nghĩ lượng bàn được.

Lại những nghiệp tác-dộng dắt dẫn các người chịu quả-báo vào một loại nào gọi là *dẫn nghiệp*, như mình được nghiệp làm người xứ nào thì dẫn sinh quả báo loài người xứ ấy. Dẫn nghiệp dắt vào thế-giới, dắt vào một nhóm loại, mà trong ấy có nơi hưởng thọ sai khác thì đó là do *mãn nghiệp* chi-phối khác nhau.

30 — Sức mạnh của nghiệp : Các nghiệp tạo-tác ra luân tập tác thành những sức mạnh chi-phối mọi hoàn-cảnh và mọi người.

a) *Hành-dộng và tánh tình của người đều do nghiệp lực chi phối* : tánh tình của người không phải tự nhiên mà có mà do những hành-dộng, những Nghiệp của người ấy tạo-tác ra từ trước đến nay, những nghiệp tác động thành những sức mạnh chi phối tâm tánh của từng người một. Và như vậy, mỗi hành-vi của con người cũng phải chịu sự chi phối của nghiệp lực, như một con người đã có tánh ác thì bao nhiêu hành-dộng của người ấy đều nhiệm theo tánh ác cả.

b) Hoàn cảnh của cả một dân-tộc hay của từng người cũng đều do nghiệp lực chi phối:

Hoàn cảnh của một dân-tộc hay của một người đều do đồng-nghiệp của cả một dân-tộc hay biệt-nghiệp của từng người tạo-tác ra. Một người chí thiện, một dân tộc chí thiện đều tạo-tác những hành nghiệp chí thiện, sức mạnh của những nghiệp chí thiện ấy tạo thành những hoàn cảnh chí thiện.

c) *Nghiệp lực chi phối sự đi đầu thai* — Con người khi chết không phải tiêu diệt hẳn mà còn mang theo sức mạnh những hành nghiệp của người ấy đã tạo-tác ra trong đời ấy hay trong nhiều đời trước, và chính sức mạnh ấy bắt buộc và chi-phối con người phải đầu thai nghĩa là phải luân hồi trong biển sanh tử. Có bốn nghiệp dắt-dẫn con người phải đi đầu thai là *Tích luy nghiệp* là những nghiệp chất chứa từ đời này sang đời khác, *tập-quán nghiệp* là những nghiệp tạo thành từng tập-quán trong một đời, *cực trọng nghiệp* là những nghiệp đặc-biệt, quan-trọng, lấn lướt tất cả nghiệp khác và *cận tử nghiệp* là nghiệp khi gần chết. Chính 4 thứ nghiệp này tác-động và chi phối con người trong sự đi đầu thai.

V. — NGHĨA CHỮ QUẢ BÁO

1° — **Định danh:** Quả báo là kết-quả báo ứng của các Nghiệp nhân tạo-tác ra — như làm lành là *nghiệp nhân*, được hưởng điều lành là kết-quả báo ứng.

2° — **Các món quả-báo:** Có hai thứ quả-báo:

a) *Chánh báo* là kết-quả báo ứng về tự thân, từ thân-thệ tánh tình, cảm giác, tư-tưởng của mỗi người, do những nghiệp-nhân tạo-tác ra, như con người sinh ra, thông-minh, cao lớn, học giỏi, tánh tình hòa-nhả v.v... đó là chánh báo.

b) *Ý báo* là kết-quả báo ứng về hoàn cảnh của từng người hoặc từng dân-tộc phải sống ở trong hoàn cảnh ấy, — như có người sinh ra ở nhà quê, ở một nước cường thịnh, ở trong một nhà giàu nghèo v.v... hay của cả một dân tộc ở trong một nước thịnh suy, giàu nghèo v.v...

30 — Thời gian trong quả báo : Có những nghiệp-nhân có ngay quả báo hiện tại ở trong một đời gọi là *hiện báo*, có nghiệp-nhân ở đời này, đời sau mới có quả báo gọi là *sanh báo*, có nghiệp-nhân ở đời này, nhiều đời sau mới có quả báo, có nghiệp-nhân ở nhiều kiếp trước, đời này hoặc đời sau mới có quả báo gọi là *hậu báo*. Nhưng sự hình thành các quả báo căn-cứ trên sự thuận-thực của nghiệp-nhân, chứ không căn-cứ trên quan-niệm thời-gian. Cách chia chẻ thời-gian trong quả-báo chỉ là một phương-tiện giúp cho dễ hiểu mà thôi, chỉ đánh dấu sự thuận-thực của các hành nghiệp.

40 — Quả báo với ảnh-hưởng của tự tâm : Quả báo của các nghiệp thiện ác có thể chia làm *quả báo nơi tự-tâm* và *quả báo đối-dối*. Như người bắn chết chim, hành-vi đó huân tập tánh háo sát nơi tự tâm, đó là *quả báo nơi tự tâm*. Đối với con chim, nếu sau này trong một đời khác, nếu có đủ điều kiện thì con chim sát hại lại để trả oán. Đó là *quả báo về đối-dối*. Về đối-dối không luận biết hay không, cố ý hay không, hề làm tổn hại cho người hay cho vật khác thì người và vật tất nhiên sanh lòng muốn làm tổn hại lại, chứ về tự tâm, thì đồng một sự mà chỗ huân tập về thiện ác lắm khi khác hẳn.

a) Vô tâm : Làm một việc lành, nhưng vô tâm mà làm, thời không có kết-quả lành nơi tự tâm — Nếu vô tâm mà làm, sau biết lại ăn năn tiếc nuối thì chỗ huân tập nơi tự tâm lại về phần ác. Như có người thấy chim nhốt trong lồng, đến coi vô ý làm sây, người ấy không có tâm làm việc lành mà làm việc lành, nên không có kết-quả lành nơi tự tâm. Nhưng nếu trong khi chim bay, người ấy ăn-năn hoặc tiếc nuối thời chỗ huân tập nơi tự tâm lại về phần ác.

— Làm một việc ác, nhưng vô tâm mà làm, thời không có quả báo nơi tự tâm — Nếu vô tâm làm ác, sau biết lại hối-hận phát tâm đại bi thì chỗ huân tập nơi tự tâm lại về phần thiện. Như có người vô ý đi đạp chết con kiến, tuy về phần đối-dối vẫn không tránh quả báo dữ, nhưng về tự tâm thì không huân tập về đường ác. Song nếu người ấy, sau khi biết mình

có lỗi rất lấy làm hối-hận, phát tâm đại bi, cầu nguyện cho tất cả loài kiến thoát sự khổ não thì chớ huân tập tự tâm sẽ về đường thiện.

— Lại có người không phải cố ý, nhưng bản tánh là lành không bao giờ làm ác, luôn luôn làm việc lành một cách vô tâm, không cố ý, thì quả báo về tự tâm rất to lớn vì đã được tánh thuần thiện; trái lại, người làm việc ác một cách tự nhiên vì bản tánh thuần ác, thì tuy làm ác một cách vô tâm, nhưng quả báo về tự tâm rất to lớn, vì bản tánh đã thuần ác.

b) Hữu tâm — Như có người cố ý làm việc lành để trông cầu danh lợi, tuy quả báo đối đãi vẫn là thiện, nhưng về tự tâm bị huân về đường ác — trái lại một vị quan tòa, vì lẽ công bằng theo pháp luật kêu án tử tội, hoặc một vị tuần kiểm vì chức trách phải đánh bắt kẻ trộm cướp, thì tuy cố ý làm việc tổn hại cho kẻ khác, nhưng chớ huân tập về tự tâm vẫn về đường thiện.

— Lại như có người vì tin nhờn quả nên cố ý làm việc lành, thì tuy cố ý, nhưng chớ huân tập thuần là thiện. Trái lại những người vì thù hiềm, vì danh lợi cố làm các việc ác, thì chớ huân tập về tự tâm của người ấy rất nặng về đường dữ.

— Lại trong khi làm việc lành dữ, làm được việc lại rất vui mừng, muốn làm thêm việc khác nữa, thì quả báo lành dữ lại càng tăng xấp bội.

VI. — SỰ LIÊN LẠC GIỮA NGHIỆP NHÂN THIỆN ÁC VÀ QUẢ BÁO THIỆN ÁC

1° — Lý thiện ác của báo là một định luật tự-nhiên, chi phối hành vi con người, và chỉ là một chi tiết của lý nhân-quả.

Đã tạo những nghiệp nhân thiện ác như thế nào thì nhất định chịu quả báo thiện ác như vậy không sai chạy, nhờn nào quả nấy, mảy mún không sai.

2° — Con người vẫn có quyền và có thể thay đổi quả báo của mình.

Tuy lý thiện ác quả báo là một định luật không hề sai chạy nhưng trong khi đã tạo những nghiệp nhân dữ và đúng lý phải chịu những quả báo dữ, nếu có lòng hối hận làm quý, tạo những nghiệp nhân trái ngược lại thì có thể chuyển được nghiệp trước và khỏi chịu những quả báo dữ.

KẾT LUẬN

1° — Lý thiện ác nghiệp báo cho chúng ta rõ rằng những nỗi khổ vui của con người toàn do con người tự tạo, chứ không phải do một vị Thượng-đế hay một vị thần linh nào.

2) Con người sống ở đời toàn do nghiệp lực chi phối, và chính nghiệp lực chi định chi phối tất cả.

3) Con người có quyền thay đổi đời sống của mình, tự tạo một tương-lai theo lý-tưởng của mình, nếu tự mình có đủ ý-chí cương-quyết.

LỊCH SỬ NGÀI LIÊU QUÁN

THÍCH CHƠN-TRÍ

I. — *Nguyễn Quán*. — Ngài Liêu-Quán họ Lê, húy Thiệt-Diệu, quê ở làng Bạch Mã, huyện Đồng-Xuân tỉnh Phú-Yên (Sông-Cầu bây giờ). Ngài mồ-côi mẹ từ lúc 6 tuổi. Thân sinh Ngài liền cho xuất-gia đến đầu sư với Ngài Tể-Viên Hòa-Thượng, người Trung-Hoa.

II. — *Sự-Nghiệp Tu-Hành*. — Sau khi đầu sư được 7 năm, thì Ngài Tể-Viên Hòa-Thượng viên tịch, Ngài phải ra Thuận-Hóa tham học với Ngài Giác-Phong lão-tổ (cũng người Tàu) ở chùa Báo-Quốc. Sau đó một năm (năm Tân-Mùi 1691), Ngài phải trở về cố hương phụng dưỡng cha già. Để kiếm cách sinh-nhai, Ngài phải tạm mượn nghề đi kiếm củi. Bốn năm qua, phụ-thần Ngài tạ-thể (năm Ất-Hợi 1695), Ngài lại trở ra Thuận-Hóa thọ Sa-di giới với Ngài Thạch Liêm Hòa-Thượng người Tàu; năm Đinh-Sửu (1697), Ngài lại thọ cụ-túc-giới với Ngài Từ-Lâm Lão Hòa-Thượng (cũng người Tàu).

Đến năm Kỷ-Mão 1699, Ngài đi tham lễ khắp thuyền làm, để bồi-bổ cho sự tu-hành. Qua năm Nhâm-Ngọ (1702), Ngài đến Long-Sơn cầu học pháp tham-thuyền với Ngài Từ-Dung Hòa-Thượng (tổ khai sơn chùa Từ-Đàm) Huế.

Về phần hóa đạo, Ngài rất tinh-tấn, không nề khó nhọc, cho nên liền tiếp mấy năm Kỷ-Sửu (1733), Giáp-Dần (1734) và Ất-Mão (1735), Ngài chịu lời thỉnh-cầu của các ngài trong Sơn-Môn cùng các bậc tể-quan cư-sĩ ở Huế, dự bốn lễ lớn về Đại giới-đàn, rồi Ngài qua lập chùa Viên-Thông ở gần núi Ngự Bình. Qua năm Canh-Thân (1740), Ngài tấn đàn Long-Hea phóng giới, rồi từ đó Ngài trở về núi Thiên-Thai, dựng thảo am ẩn nấu tu-hành, nay tức là chùa Thuyền-Tôn vậy.

Trong thời đại ấy, chúa Nguyễn-Minh-Vương rất mến trọng đạo đức Ngai, cho nên thường mời Ngai vào cung đàm-đạo.

Qua năm Nhâm-Tuất (1742), về mùa xuân, Ngai lại dự lễ giới-dân ở chùa Viên-Thông. Cuối mùa thu năm ấy, Ngai thọ bệnh, trước khi sắp lìa chung Ngai gọi môn-đồ lại mà dạy rằng : « Nhân duyên đã hết, ta sắp đi đây. » Khi ấy môn-đồ đều khóc, Ngai dạy rằng : « Các người khóc mà làm gì ? Các đức Phật ra đời còn nhập Niết-Bàn, Ta nay đi lại rõ ràng, về tất có chỗ các người không nên khóc và đừng nên buồn thảm. » Kế đó Ngai viết bài kệ từ biệt rằng :

**Thất thập dư niên thế giới trung
Không không sắc sắc diệt dung thông
Kim triều nguyện mãn hoàn gia lý
Hà tất bồn man vấn tồ-tổng**

Dịch : *Ngoài bảy mươi năm trong thế giới
Không không sắc sắc thấy dung thông
Ngày nay nguyện mãn về nơi cũ
Nào phải ân cần hỏi tồ-tổng ».*

Sau khi viết bài kệ xong, Ngai bảo môn-đồ rằng « Sau khi ta đi, các người phải nghỉ cơn vô-thường nhanh chóng, cần phải siêng năng tu-học trí-huệ, các người hãy nên gắng tới, chớ bỏ quên lời ta »

Đến ngày 22 tháng 11, giữa mùa đông năm Nhâm-Tuất, một buổi mai vào lúc giờ mùi, Ngai dùng nước trà xong, vui-vẻ từ-biệt môn-đồ tiêu điều thoát hóa.

Vua Minh Vương được tin, liền ban thụ-hiệu là **ĐẠO HẠNH THỤY CHÁNH GIÁC VIÊN NGỘ HÒA THƯỢNG** ».

Ngai là đời thứ 33 dòng Lâm-Tế chánh-tôn, khai sơn chùa Viên-Thông và chùa Thiên-Thai Thủy-Đàn-Hiếu. Tháp Ngai hiện nay dựng bên một triền núi, về phía đông nam ngôi chùa. Trước cửa tháp có đề mấy

chữ «Đàm ba lạc khứ hữu dư hương» Đại ý nói: Tuy Ngài đã viên tịch, nhưng đạo đức Ngài vẫn còn vang dội; cũng như hoa ưu-dàm kia tuy đã *rã cánh, nhưng hương trinh bất diệt vẫn ngào-ngạt bốn phương trời. Hai bên cửa có hai câu đối: «Bão đạt trường minh bất đoạn môn tiền lưu lục thủy. Pháp thân độc lộ, y nhiều tọa lý khán thanh sơn» Tạm dịch: «Tiếng mõ vang lòng trước ngõ không ngừng dòng suối biếc, Pháp thân vôi vôi, quanh toà cao ngút giã non xanh» Và ngay trước mặt tháp có đề ba chữ «Vô lượng quang» Ngõ tháp này nếu đứng về mặt mỹ-thuật trong sự kiến-trúc mà so sánh, thì đối với tất cả các ngôi tháp khác ở Thừa-Thiên, có lẽ ngôi tháp này đứng về bậc nhất. Không những về phương diện mỹ-thuật, mà ngay cả sự hùng vĩ cũng vậy, do đó một phần lớn hậu lai chúng ta cũng có thể tìm hiểu được ít nhiều sự tôn sùng của môn-đồ đệ-tử đối với đạo-đức Ngài, trong lúc bấy giờ ra sao rồi.

III. - ẢNH HƯỞNG ĐẠO ĐỨC. - Ngài Liễu-Quán là một vị danh đức tu-hành, có công khai-hóa hơn hết, về thời bấy giờ, và cũng do sự khai hóa rộng rãi của Ngài, mà ngày nay ảnh hưởng phái Lâm-Tế lan rộng từ Trung đến Nam nước Việt, và hiện nay trở thành một nhánh lớn gọi là Liễu-Quán. Ngoài ảnh-hưởng truyền giáo của Ngài, Ngài còn là một vị danh-tăng Việt-Nam được đặc truyền tổ đạo trước-hết ở Việt-Nam.

Hiện nay phái Liễu-quán do Ngài lập ra, vẫn truyền theo thứ-tự bài kệ dưới đây: THIỆT TẾ ĐẠI ĐẠO TÁNH HẢI THANH TRỪNG TÂM NGUYÊN QUẢNG NHUẬN ĐỨC BỒN TỪ PHONG GIỚI ĐỊNH PHƯỚC HUỆ THỂ DUNG VIÊN THÔNG, VĨNH SIÊU TRÍ QUẢ MẬT KHẾ THÀNH CÔNG. TRUYỀN TRÌ DIỆU LÝ, DIỄN XƯƠNG CHÁNH TÔNG, HẠNH GIẢI TƯƠNG ƯNG GIÁC NGỘ CHƠN KHÔNG.

Theo tuần-tự của bài kệ trên đây, thì con cháu giòng dõi Lâm-Tế hiện nay đều liệt vào hạng chữ Tâm và chữ Nguyên. Còn chữ Thanh thì hiếm có lắm rồi, vì những bậc thuộc về chữ ấy phần nhiều đã quá vắng, hoặc đã lớn tuổi.

LỊCH SỬ NGÀI NGUYỄN THIỆU

I. — *Nguyên quán* — Ngài Nguyễn Thiệu không biết gia thế Ngài ra sao và tên thân sinh cùng thân mẫu là gì; Chỉ biết ngài họ Tạ, người Trung-Hoa quê ở Trình-Lương huyện Triều Châu, tỉnh Quảng-đông bây giờ.

II. — *Sự nghiệp tu hành* — Ngài xuất gia năm 19 tuổi, tu ở chùa Báo-Tự, thọ giới với ngài Bồn-Khao Khoán-Viên Hòa-thượng bên Tàu. Đến năm Cảnh Trị thứ ba đời Lê Huyền-Fôn (năm Ất Tỵ thứ 17 đời Chúa Nguyễn Phúc Tần 1663) Ngài đi theo tàu buôn qua An nam (Tên cũ của Việt-nam) ở lại phủ Quy ninh (Bình định) lập Chùa Thập Tháp Di Đà, mở trường truyền dạy, sau ra Thuận-Hóa lập chùa Hà-Trung (thuộc huyện Phú-lộc bây giờ) rồi lên kinh đô (Huế) lập chùa Quốc Ân và dựng tháp Phổ Đồng (tháp Phổ-đồng đã bị quân Tây Sơn phá hủy trong thời kỳ Nam Bắc phân tranh).

Ở lại Quốc Ân ít lâu, ngài lại phụng mệnh đức Anh-tôn (Nguyễn Phúc Tần 1667 — 1694) trở về Trung Hoa mời các vị danh tăng và thỉnh pháp tượng pháp khí. Khi về đến Quảng-Đông ngài liền mời được Hòa Thượng Thạch-Liêm và các danh tăng khác đồng thời thỉnh được nhiều kinh điển tượng khí đem về Việt-Nam. Trong lúc ấy chúa Nguyễn liền sãi: mở đàn truyền giới rất long trọng tại Chùa Thiên-Mụ ở làng An-Ninh bây giờ.

Đến năm Bảo thái thứ 10 tháng 10 ngày 19, Ngài gọi tất cả đồ chúng lại dặn dò mọi việc và ngài truyền cho bài kệ rằng :

Tịch tịch cảnh vô ảnh
Minh minh châu bất dung
Đường đường vật phi vật
Liêu liêu không vật không

(Đại ý bài này Ngài muốn Khai thị cho trong chúng biết: Thể pháp thân thanh tịnh, trong sáng như bức gương, tuy hiện tiền sự vật có sai khác, nhưng đều là một thể pháp thân biến hiện; Thể pháp thân thường vắng lặng mà không phải là không tức là lý « Chân không diệu hữu » vậy.

Sau khi bài kệ đã truyền xong, Ngài ngồi yên lặng mà viên-tịch, Tháp ngài hiện nay dựng bên một đồi nhỏ, thuộc xóm Thuận-Hòa làng Dương-xuân-thượng gần chùa Trúc-Lâm, lấy hiệu là Hóa-môn ».

Vua Hiến Tôn được tin Ngài viên tịch liền ban thụy hiệu là: « Hạnh Đoan Thuyền-sư » và có làm bài minh khắc ngoài bia đề tán thán đạo-đức ngài :

« Ưu ưu bát nhã	Đường đường phạm thất
« Thủy nguyệt ưu du	Giới trì chiến lật
« Trạm tịch cô kiêu	Trắc lập khả tặc.
« Quán thân liễu không	Hoằng giáo lợi vật
« Biến phú từ vân	Phổ chiếu huệ Nhật
« Chiêm chi nghiêm chi	Thái Sơn ngật ngật ».

III *Ảnh hưởng đạo-đức* — Ngài là vị Tổ truyền phái Lâm Tế đầu tiên ở Trung-kỳ và cũng là người đem Đạo Phật đến truyền bá ở Thừa-Thiên trước hết.

Hiện nay ở Thừa-Thiên có hai chùa Quốc Ân và Hà-Trung; ở Bình-Định có chùa Thập-Tháp là do ngài khai sáng ra. Chính ngài tự thân qua thỉnh bên Trung-Hoa các vị danh tăng như ngài Thạch Liêm, ngài Từ-Dung, ngài Từ-Lâm, ngài Thuyền Lâm qua lập giới đàn đầu tiên ở Thừa-Thiên; sau các Ngài này đều ở lại lập các chùa Từ-Đàm, Từ-Lâm, Thuyền Lâm Khánh Vân v.v... Nhờ vậy mà dân chúng đều được thấm nhuần ảnh hưởng thuần túy tốt đẹp của đạo Phật. Hiện nay những ngôi chùa ấy vẫn còn cũ và đều là những ngôi chùa có danh tiếng nhất ở Thừa Thiên.

Những Mẫu Chuyện Đạo

MINH-CHÂU

1) La hầu La xuất gia.

Phật bảo Ngài Mục-Kiền-Liên rằng: « Ông hãy về thành Ca-Tỳ-La-Vệ kính thăm Phụ-Vương, Thúc-Phụ và bà Di-mẫu của ta, ủy dụ mẹ của La-Hầu-La hãy cắt tình ân ái cho xuất gia làm Sa-di. Tình ân ái giữa mẹ con thương nhau chỉ trong giây lát, chết rồi bị vào địa ngục, không bao giờ được biết nhau. Nếu La-Hầu-La xuất-gia chững đạo, thời sẽ trở lại độ cho mẹ, trọn đời ra khỏi luân-hồi như ta ngày nay vậy. » Ngài Mục-Kiền-Liên liền đến thành Ca-Tỳ-La-Vệ trình bày ý định của đức Phật. Bà Da-Du-Đà-La nghe tin có sứ-giả của Đức Phật đến tìm bắt La-Hầu-La, liền đem con lên trên một tòa lầu rất cao, đóng bít tất cả ngả vào. Ngài Mục-Kiền-Liên liền dùng thần thông vào tiếp kiến, bà Da-Du-Đà-La bắt đắc dĩ phải làm lễ kính thăm Đức Thế-Tôn và hỏi sứ mệnh của Ngài đến đây có việc gì. Ngài Mục-Kiền-Liên nói rằng: « Thái tử La-Hầu-La nay đã chín tuổi, nên cho xuất-gia tu học Thánh Đạo để tự giải thoát và giải thoát cho mọi người. Chính là bản ý của đức Phật như vậy. » Bà Da Du Đà La đáp rằng: « Đức Thích Ca Như Lai khi còn làm Thái tử, cưới tôi làm vợ, tôi phụng thờ Thái tử như phụng thờ một vị Thiên thần. Chưa được ba năm, Thái tử vượt thành xuất gia tu đạo, lòng tôi sầu khổ biết bao, tự nghĩ sau khi Thái tử thành đạo, chắc có thể cùng nhau tương kiến. Nhưng từ khi đức Phật thành đạo, hoàn toàn quên hết tình nghĩa cũ, đối với những người thân cận, lạt lẽo hơn người dung nước lã, khiến tôi phải sống cô độc khổ cùng. Ngày nay Ngài lại muốn chiếm đoạt con tôi, thời còn gì tàn khốc hơn nữa. Thái tử thành đạo tự nói là Từ Bi, nhưng nay Thái tử làm cách biệt mẹ con tôi, thời từ bi của Ngài ở chỗ nào? mong Ngài

hãy trở về bạch lên với đức Thế Tôn, nỗi lòng của tôi cho Ngài rõ.» Ngài Mục Kiền Liên liền từ tạ, về kể lại công chuyện cho vua Tịnh Phạn rõ. Vua liền bảo bà Ma Ha ba xà ba Đề đến khuyên nhủ nàng Da Du Đà La; bà đến khuyên ba lần, nhưng nàng nhất quyết không nghe và thưa rằng: « ngày tôi còn ở nhà. Vua của tám nước tranh nhau đến cầu tôi, cha mẹ tôi đều từ chối, để dành riêng tôi cho Thái tử là bậc xuất chúng hơn người. Nếu Thái tử không muốn ở đời, thời ân cần cầu tôi làm gì? Phàm ở đời, lập gia đình thành vợ thành chồng, đều mong có con cháu nối giòng, đó chính là chánh lẽ ở đời. Thái tử đã đành tâm bỏ đi rồi, nay lại đòi đem La Hầu La đi, cho tuyệt hẳn giòng dõi truyền thống, thời còn có nghĩa lý gì nữa.» Bà Ma ha ba xà ba Đề liền im lặng không biết nói gì.

Đức Phật hiểu được tâm trạng câu chấp và buồn khổ của nàng Da Du Đà La, liền dùng vị Hóa nhơn đến nói rằng: « Nàng còn nhớ lời thệ nguyện xưa của nàng không? thời ta còn làm vị Bồ-tát, lấy 500 đồng tiền bạc mua năm bông sen của nàng để dâng cúng đức Phật Định Quang, Nàng cầu gửi hai bông sen nhờ ta dâng cúng đức Phật, và cầu xin đời đời kiếp kiếp làm vợ của ta. Ta có nói với nàng rằng: « Ta là vị Bồ-tát có nguyện bố thí tất cả, nếu nàng muốn làm vợ ta, thời nếu ta có bố thí cả quốc thành thế tử cho đến tự thân, nàng phải hoan hỷ. Nàng đã thỏa thuận cùng ta rồi, sao nay nàng lại thương tiếc La-hầu-La, không muốn rời bỏ.» Nàng Da Du Đà La nghe nói liền rõ được sự lỗi lầm của mình, làm lễ sám tội với Ngài Mục-kiền-Liên, ân cần giao phó La-hầu-La cho Ngài, và khóc lóc từ biệt con. La-hầu-La biết mẹ sầu muộn liền khuyên giải mẹ và từ tạ mẹ mà đi. Vua Tịnh Phạn liền bảo các nhà hào tộc, mỗi nhà cử cho một người con trai cùng xuất-gia với La-hầu-La. La-hầu-La cùng với 50 vị Công-tử đều đến dâng lễ đức Phật. Đức Phật sai ngài A-Nan cắt tóc cho La-hầu-La và 50 vị Công-tử, cho xuất-gia, bảo ngài Xá-lợi-Phất làm Hòa-thượng, ngài Mục-kiền-Liên làm A-xà Lê, truyền trao 10 giới Sa-di. Đức Phật giảng kinh Phiến-đề-La nói về tội báo các đời trước cho các vị Sa-di nghe. La-hầu-La

nghe kinh, trong lòng lấy làm ưu sầu, bạch Phật rằng: «Bậc
Hòa Thượng đại trí đức, thọ lãnh các món cúng dường tối
thượng; kẻ tiểu nhi ngu mà không có đức, ăn đồ tín thí của
người, đời sau chịu khổ như phiến dề la. Vậy nên chúng con
rất lo lắng, nguyện Phật cho chúng con bỏ đạo về nhà để khỏi
các tội lỗi.» Đức Phật dạy rằng: «như có hai người bị đói,
gặp được người chủ đãi bữa cơm ngon, tham ăn quá no. Một
người có trí, liền uống thuốc xổ, gìn giữ nghỉ ngơi nên giữ
được mạng sống. Một người vô trí, sát sanh tế lễ để cầu được
sống, không ngờ đồ ăn chất chứa không tiêu, nên bị đau phải
chết, đọa vào cõi địa ngục. Người sợ tội mà xin bỏ đạo về
nhà thật là kẻ vô trí. Các con đã có nhơn lành được gặp ta,
thời nên uống thuốc cứu khổ, thời khỏi phải chết.» La Hầu
La nghe lời Phật dạy, liền hiểu rõ chơn nghĩa của sự tu hành
đánh lễ chân Phật. vâng theo lời giáo huấn của đấng Thế-Tôn.

Trích dịch kinh Vị Tăng hữu nhơn duyên.

2) Những người mù rờ voi.

Có ông Vua bảo vị Đại thần rằng: «Khanh đem một con
voi rồi để cho các người mù tới rờ xem thử thế nào.» Vị
Đại thần vâng lời họp các người mù lại, đem con voi ra, biểu
các người mù lấy tay rờ, mỗi người rờ một bộ phận của con voi. Vua
bèn kêu các người mù và hỏi rằng: «Con voi thuộc về loài gì?»
người mù rờ tai nói con voi như cái cờ, người rờ đầu nói
con voi như hòn đá, người rờ vòi nói con voi như cây gậy,
người rờ chân, nói con voi như cò chày, người rờ lưng nói con
voi như cái giường, người rờ bụng nói con voi như cái ghế,
người rờ đuôi nói con voi sợi giây.»

Này thiện nam tử! như các người mù kia không nói trúng
toàn thể con voi, nhưng cũng không nói ra ngoài toàn thể con
voi; các tướng trạng như vậy không phải là con voi, nhưng
ngoài những tướng trạng ấy thời không riêng có con voi. Này
thiện nam tử! Vua ví dụ với đức Như Lai Chánh biến tri,
vị Đại thần dụ với kinh Đại Phương đẳng Niết bàn, con vo

dụ với Phật tánh, các người mù sờ voi dụ với hết thầy chúng sanh vô minh.

Trích kinh Đại Bát Niết Bàn.

3) Người mọi ăn trộm đồ trong kho nhà Vua.

Có người mọi ăn trộm đồ trong kho nhà Vua rồi chạy trốn. Vua sai người đuổi theo bắt được, liền quở trách người mọi kia: sao lại đánh cắp áo của Vua. Người mọi đáp: « Áo ấy là vật của tồ phụ tôi để lại. » Vua sai mặc thử, thì người mọi mặc lộn bậy, chỗ đáng xỏ tay lại xỏ chân vào, chỗ đáng mặc sau lưng, lại mặc ra trước ngực. Vua thấy vậy liền bảo rằng:

« Nếu áo ấy thật là tồ phụ người để lại, thời lẽ đáng người phải biết cách ăn mặc thế nào? thật rõ ràng người đã ăn cắp chớ có phải của người đâu? »

Vua ví dụ với đức Phật, của báu trong kho dụ với Pháp Phật dạy. Người mọi ngu si dụ với kẻ ngoại đạo. Kẻ ngoại đạo nghe trộm Phật pháp, đánh cắp cho là của mình. Nhưng vì không hiểu rõ lý nghĩa, sắp đặt lộn xộn không có thứ lớp, nên ngó vào biết ngay là của ăn cắp. Thật chẳng khác người mọi kia, đánh cắp áo của Vua mà tự nói của mình, và không biết cách mặc cho đúng pháp.

Trích kinh Bách Dụ.

PHẬT TÁNH

THÍCH THUYỀN-MINH.

Phật tánh nghĩa là khả năng giác ngộ. « Phật-tánh vốn có », đó là chủ trương của Phật Giáo. Sau đây là một vài thí dụ nói về Phật-tánh ấy, chúng tôi trích dịch một phần trong Kinh ĐẠI NIẾT BÀN. Qua vài thí-dụ này, chắc chắn chúng ta cũng xác nhận được mình vốn có một khả năng vô thượng, khả năng bất diệt, là khả năng giác ngộ.

Một hôm đức Thế-Tôn đến ngồi bên sông Ni-liên-thiền, bấy giờ chim chóc bay lại chung quanh ngài, tôm cá cũng lội tới một cách triu mến. Trong khi đó, một số đạo sĩ đi ngang qua, thấy vậy, bảo nhau :

— Không biết đức Cồ-đàm tướng mạo sao mà hiền từ, tâm đức sao mà cảm đến muôn vật như thế ? Phải nếu Người không chủ trương « không kiến » thì chúng ta nhất định theo Người.

Đức Thế-Tôn nghe vậy gọi lại từ hòa bảo :

— Sao các người lại bảo tôi chủ trương « không kiến » ?

— Vì đức Cồ-đàm thường nói «tất cả chúng sinh không có bản-ngã».

— Không phải. Tôi thường nói «tất cả chúng sinh đều có Phật-tánh».

Dù kẻ cực-si cũng có Phật-tánh. Cực si không quyết định là si; ví như thanh thép soi đứng thì bóng dài, soi ngang thì bóng đẹp, thế thôi.

Mắt bị màng che thì không thấy, nhưng không phải thấy toàn không. Khi màng tan mắt thì mắt vẫn thấy cảnh sắc.

Cũng như thế, Phật-tánh bị ngã-chấp ngăn che nên không tự tin mình vốn có. Nếu ngã chấp trừ thì Phật-tánh hiển lộ.

Phật tánh không bao giờ hòa hợp với ngã chấp si mê, dù bị si mê ngã chấp khuất lấp. Ví như mặt trời dù bị mây mù che khuất mà vẫn không đồng hóa với mây mù.

Viên sắt mát lạnh mà bỏ vào lửa thì đỏ nóng, nhưng lửa nguội thì sắt vẫn là sắt. Cũng vậy, Phật tánh nếu diệt lửa phiền não si mê thì sáng suốt vốn sáng suốt.

Xưa có một ông vua nghe tiếng đàn quá hay nên say mê, hỏi một viên cận thần :

— Tiếng gì vậy ? Từ đâu ra ?

— Tiếng đàn và ra từ cây đàn.

— Tìm cây đàn ấy cho ta.

Khi cây đàn có rồi, ông vua hai ba phen bảo « gảy ra tiếng đi », nhưng cây đàn vẫn lặng thinh. Ưu quá, ông bẻ trục, xô, giẫy để tìm cái tiếng làm cho ông say mê. Nhưng vẫn không được. Vừa lúc ấy vị cận thần trở lại, ông nổi giận :

— Sao nhà ngươi dối ta ? Tiếng đâu ta tìm không thấy ?

— Nhà vua lầm rồi. Tiếng là do tất cả những thứ nơi cây đàn ghép lại và nhạc sĩ gảy ra mới có.

Cũng như thế, Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sinh vốn có, nhưng không ở đâu cả ; phải dùng phương tiện phát hiện ra.

Phương tiện đầu tiên để thật hiện Phật-tánh là « Không phóng dật ».

Trong các thứ hoa mọc dưới nước, hoa sen hơn cả. Trong thú vật, sư tử đứng đầu. Cũng như thế, « không phóng dật » là quý nhất và mạnh nhất.

Con làm nhà thợ làm kén để tự sống mà cũng dễ rồi tự chết. Chúng sinh cũng vậy, cương tỏa Phật-tánh lại nên tự kết nghiệp tự lưu chuyển một cách vô lý.

Kẻ cực si là vì không tự tin vốn có Phật-tánh, chứ không phải vì cực si mà không có Phật-tánh.

Kẻ cực si mà tự tin có Phật-tánh thì không còn gọi là cực si nữa.

TIN TỨC

(tiếp theo trang 2)

THỪA THIÊN. — 1) **LÊ VU LAN:** Lê Vu Lan (15-7 Á.L) năm nay Hội và Sơn môn đã tổ chức chung tại chùa Hội quán Từ Đàm Số Tín Đờ thuận thành đi hành lễ rất đông. Nhân dịp này Tỉnh Hội Thừa Thiên đã tổ chức lễ trai tăng cúng đường quý Thầy và quý ni cô an cư kiết hạ tại Thừa Thiên.

Nhân lễ Vu Lan này Phật Học Đường Báo quốc và khuôn Tỉnh Độ Phú Hòa (thuộc Tỉnh Hội Thừa Thiên) đã ấn tống quyển: **HIẾU TRONG ĐẠO PHẬT** do Tổng Trị Sự xuất bản.

2) Tổng trị Sự vừa nhận được số tiền 800đ00 của quý Tỉnh Hội về khoản cúng đường Giảng Sư về quý thứ hai niên khóa 1950.

LÂM VIÊN. — Tổng Trị Sự đã nhận được Biên bản kỳ Đại Hội Đổng độ nhị lục cá nguyệt và ngân phiếu 4.720đ00 về các khoản phụ nạp Tổng Trị Sự, cúng đường Phật Học Đường và thỉnh Kinh sách, Tổng Trị Sự đã chuyển giao rồi.

DI LINH. — Đã nhận được ngân phiếu 500đ00 của Ban Trị Sự lâm thời Di Linh cúng đường quý thầy an cư tại Thừa Thiên Tổng Trị Sự đã chuyển lên quý Thầy rồi.

CHI HỘI CÔNG HÌNH. — Đờ hưởng ứng ngày TỬ THIÊN PHẬT GIÁO TRUNG VIỆT; Chi Hội Công Hình đã phát tâm cúng vào quỹ TỬ THIÊN PHẬT GIÁO tại Thừa Thiên số tiền 1.625đ00 và số tiền 900đ00 về khoản Cúng đường Giảng sư Tổng Trị Sự đã chuyển giao rồi.

CHI HỘI DRAN. — Đạo hữu VƯƠNG VĂN DẬU lập một thư viện lấy tên là THIÊN ĐẠO, tha thiết yêu cầu hết thầy giúp cho kinh sách hoặc tượng tranh. Nếu cần thì Đạo Hữu ấy xin cúng tiền lại. Đạo hữu VƯƠNG VĂN DẬU như sau:

VƯƠNG VĂN DẬU

Thư - viện Thiên - Đạo

HAUÍ - DONNAI — DRAN

Kiểm Duyệt số ngày tháng năm

THƯ - TIN

Xin chân thành cảm tạ các bạn đã
gửi bài đến đăng vào Viên Âm. Rất
nhiều bài có giá trị. Chúng tôi sẽ theo
thứ tự lựa đăng dần.

Kính mong các bạn hoan hỷ.

GIÁ BÁO

Mỗi Số	3\$00
3 Tháng	13\$00
6 Tháng	28\$00
1 Năm	35\$00

GIAO - THIỆP

- 1) Thư từ bài vở xin gửi :
TÒA - SOẠN VIÊN - ẨM
Số 1 đường Nguyễn Hoàng - H.
- 2) Ngân phiếu và thẻ lệ mua
báo xin gửi :
Ô. TÒN - THẬT - HÀNG
Số 1 đường Nguyễn Hoàng - H.